Số: 155/QĐ-UBND; 24/03/2025; 16:33:32; +07:00

Biểu số 07. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 155 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đăk Glei	Xã Đăk Choong	Xã Đăk Kroong	Xã Đăk Long	Xã Đăk Man	Xã Đăk Môn	Xã Đăk Nhoong	Xã Đăk Pek	Xã Đăk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**367,71**	**54,36**	**30,30**	**52,33**	**13,90**	**17,55**	**10,82**	**25,94**	**57,17**	**26,60**	**25,52**	**20,33**	**32,89**
	Trong đó:														
1.1	Đất trồng lúa	*LUA/PNN*	33,66	1,06	1,36	1,35	1,60	0,86		6,92	4,42	1,36	2,89	8,56	3,28
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	*HNK/PNN*	121,41	34,13	12,59	16,88	5,34	10,91	9,92	4,69	11,34	2,85	2,87	5,52	4,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	82,89	16,18	7,00	17,36	1,84	5,08	0,90	4,60	14,85	4,39	1,34	5,75	3,60
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	29,22		5,59			0,36					17,92		5,35
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	25,74				1,21			9,71		14,82			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	74,26	2,67	3,76	16,74	3,91	0,32			26,52	3,05	0,50	0,50	16,29
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	56,07			*16,74*					*21,90*	*1,00*		*0,50*	*15,93*
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,53	*0,32*				*0,02*		*0,02*	*0,04*	*0,13*			
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN													
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN													
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**10,79**				**3,36**						**6,43**	**1,00**	
	Trong đó:														
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	4,36				3,36							1,00	
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm	RDD/NNP													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đăk Glei	Xã Đăk Choong	Xã Đăk Kroong	Xã Đăk Long	Xã Đăk Man	Xã Đăk Môn	Xã Đăk Nhoong	Xã Đăk Pek	Xã Đăk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	đất nông nghiệp														
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP													
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	6,43										6,43		
3	**Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**	**MHT/CNT**													
4	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**	**-**	**7,32**	**4,48**		**2,11**	**0,22**				**0,51**				
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	4,60	2,24		2,11	0,22				0,03				
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	2,43	1,95							0,48				
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	0,29	0,29											
4.4	Chuyển đất xây dựng công	MHT/CSK													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đăk Glei	Xã Đăk Choong	Xã Đăk Kroong	Xã Đăk Long	Xã Đăk Man	Xã Đăk Môn	Xã Đăk Nhoong	Xã Đăk Pek	Xã Đăk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp														
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD													